TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2026.
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương.

2. Ông Nguyễn Văn Bỉnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2025/QĐ-HNGĐ ngày 25/12/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị T, sinh năm 1978. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Thị T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn năm 2000, có làm lễ cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân là do quen biết tự nguyện tiến tới hôn nhân. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có hai con chung, anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/01/2001, chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 20/11/2006. Con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn. Về con chung đã trưởng thành đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay đề nghị Hội đồng xét xử chưa xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ, căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Võ Thị T và bị đơn Nguyễn Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đến Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu A, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ), đăng ký kết hôn vào năm 2002, theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính tình và cách sống, nguyên đơn và bị đơn đã cho nhau cơ hội nhưng không thể hàn gắn được với nhau. Quá

trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không đến tòa án để tham gia hòa giải, giải quyết vụ án, không có ý kiến trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chứng tỏ bị đơn không xem trọng hôn nhân giữa bị đơn và nguyên đơn, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Nguyên đơn và bị đơn sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, vợ chồng tự ai nấy sống. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39,147, 227, 228, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Võ Thị T và bị đơn Nguyễn Văn C được ly hôn.

1.2. Về con chung: Đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005102 ngày 10/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14, thành phố Cần Thơ, thành án phí nguyên đơn không phải nộp thêm.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 - Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14, thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhân